

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2020
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thanh Đình;
2. Bà Đoàn Thị Hoa Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Nương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2020/TLST-HNGĐ ngày 01-7-2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08-9-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 120/2020/QĐST- HNGĐ ngày 18-9-2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1969; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 13, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Chỗ ở hiện nay: Số 107 đường Nguyễn T, tổ 5 (tổ 15 cũ), phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. có mặt.

Bị đơn: Ông Võ Thành T, sinh năm 1968; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 13, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Chỗ ở hiện nay: Số 107 đường Nguyễn T, tổ 5 (tổ 15 cũ), phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16-6-2020, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thu T trình bày: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Võ Thành T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân phường T năm 1992. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà T và ông T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm chia sẻ với nhau trong đời sống vợ chồng, ông T sống không chung T, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên đánh đập, có những lời lẽ xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm bà T. Năm 2019, bà T có gửi đơn xin ly hôn với ông T và được Tòa án thụ lý, sau đó bà T rút đơn khởi kiện, cho ông T cơ hội thay đổi cách sống để vợ chồng chung sống hòa hợp, hạnh phúc nhưng ông T vẫn không thay đổi tính cách, ông T vẫn tiếp tục có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa. Nay, bà Nguyễn Thị Thu T xin ly hôn với ông Võ Thành T.

Về con chung: Bà T và ông T có 02 con chung là Võ Thúy N, sinh ngày: 16-5-1991 và Võ Thúy V, sinh ngày: 12-9-2000. Chị N, chị V đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T và ông T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- *Tại bản tự khai ngày 20-7-2020 bị đơn ông Võ Thành T trình bày:*

Ông Võ Thành T và bà Nguyễn Thị Thu T tìm hiểu, kết hôn, đăng ký kết hôn vào năm 1992 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình chung sống, vợ chồng vẫn hạnh phúc, bình thường không có gì mâu thuẫn. Nay, bà Nguyễn Thị Thu T xin ly hôn ông Võ Thành T, ông T không đồng ý, vì ông vẫn còn yêu thương bà T.

Về con chung: Bà T và ông T có 02 con chung là Võ Thúy N, sinh ngày: 16-5-1991 và Võ Thúy V, sinh ngày: 12-9-2000. Hiện 02 con đã thành niên, ông T không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Vợ chồng có nhà đất trên hẻm 38, đường Hai Bà T, thành phố Q, ông và bà T cùng đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay nhà đất do bà T, ông T đang quản lý, sử dụng, giá trị nhà đất khoảng 2.5 tỷ đồng, ông T có nguyện vọng nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản.

Nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Võ Thành T đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 13, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Chỗ ở hiện nay: Số 107 đường Nguyễn T, tổ 5 (tổ 15 cũ), phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 1992, bà Nguyễn Thị Thu T và ông Võ Thành T tự nguyện tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thu T vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu ly hôn với ông Võ Thành T. Bà T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông T sống không chung T, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, ông T thường xuyên đánh đập, có những lời lẽ xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm bà T. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Thành T trình bày vợ chồng vẫn chung sống bình thường không có mâu thuẫn gì, bà T yêu cầu ly hôn với ông T, ông T không đồng ý vì còn thương yêu bà T.

Hội đồng xét xử, xét: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông T để đến Tòa án làm việc nhưng có lần ông T nhận văn bản của Tòa, có lần ông T từ chối nhận văn bản tố tụng. Để động viên bà T và ông T đoàn tụ, Tòa án đã tiến hành hòa giải 02 lần nhưng ông T không đến Tòa án để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, năm 2019, bà T có gửi đơn xin ly hôn với ông T, Tòa án đã thụ lý, sau đó bà T xin rút đơn, ngày 04-10-2019, Tòa án nhân dân thành phố Q đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu T và ông Võ Thành T. Do đó, có căn cứ để xác định mâu thuẫn giữa bà T và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T, cho bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Võ Thành T.

[3.2]. Về con chung: Bà T và ông T có 02 con chung là Võ Thúy N, sinh ngày: 16-5-1991 và Võ Thúy V, sinh ngày: 12-9-2000. Chị N, chị V đã thành niên, có khả năng lao động, không ai bị mất năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu T trình bày, vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn ông Võ Thành T trình bày vợ chồng có nhà đất trên hẻm 38, đường Hai Bà T, thành phố Q, ông và bà T cùng đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay nhà đất do bà T, ông T đang quản lý, sử dụng, giá trị nhà đất khoảng 2.5 tỷ đồng, ông T có nguyện vọng nhận ½ giá trị tài sản. Tòa án đã thông báo cho ông T làm đơn khởi kiện tranh chấp chia tài sản chung; trong đó nêu rõ thừa đất số mấy, tờ bản đồ số mấy, diện tích, địa chỉ thửa đất...Tòa án đã tổng đạt

trực tiếp thông báo và giải thích quy định của pháp luật cho ông T biết nhưng ông T từ chối không nhận thông báo và không làm đơn yêu cầu chia tài sản chung và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết tài sản chung của bà T và ông T trong vụ án này. Ông Võ Thành T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn bằng một vụ án dân sự khác.

[3.4] Về nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005041 ngày 01-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T. Bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Võ Thành T.

2. Về con chung: Bà T và ông T có 02 con chung là Võ Thúy N, sinh ngày: 16-5-1991 và Võ Thúy V, sinh ngày: 12-9-2000. Chị N, chị V đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Ông Võ Thành T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn bằng một vụ án dân sự khác.

4. Về nợ chung: không có.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005041 ngày 01-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông

Võ Thành T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thanh Đình Đoàn Thị Hoa Kiều

Lê Thị Kim Loan

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND phường T; Tp.Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Kim Loan